

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST

Ngày 27/9/2017

Về "Không công nhận vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Thái Tín Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quốc Việt, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2017 về "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2017/TB-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Chúc N, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 00 khóm V. T, phường V. P, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 00 khóm V. T, phường V. P, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 09/8/2017 (BL 02), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Chúc N trình bày:

Vào tháng 11/2016, chị N và anh Trịnh Văn K sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm làm tình cảm phai nhạt, không còn hạnh phúc nữa. Hiện chị N và anh K đã không quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau trong các công việc gia đình. Nay, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ sống chung với anh K là vợ chồng.

Quá trình sống chung, chị N và anh K chưa có con chung; các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ mà chị N giao nộp là bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình (BL 03-07).

- Theo Biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2017 (BL 26) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Trịnh Văn K trình bày:

Anh K thống nhất với chị N về thời điểm sống chung, không đăng ký kết hôn, tình trạng cuộc sống chung cũng như tài sản và nợ chung. Giữa anh K với chị N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và thiếu sự quan tâm, tôn trọng lẫn nhau. Anh K thừa nhận sống chung với chị N nhưng không đăng ký kết hôn, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Các đương sự chưa có con chung, tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn K không giao nộp tài liệu, chứng cứ khi tham gia tố tụng.

- Tòa án đã lấy lời khai của các đương sự (BL 23, 26), xác minh tại Ủy ban nhân dân phường V. P (BL 27) về nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của các đương sự. Chị N, anh K không có ý kiến phản đối về những tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được.

Các đương sự không đăng ký kết hôn; không tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng, tài sản và nợ chung nên Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải đoàn tụ quy định tại Khoản 2 Điều 206 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa chị N với anh K là vợ chồng; không xem xét, giải quyết về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản và nợ chung do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện, yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung với anh K là vợ chồng. Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 14, 15, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của chị N cũng như lời thừa nhận của anh K, kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường V. P (BL 27); đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận chị N với anh K sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn và chưa có con chung là sự thật.

Đến thời điểm hiện nay, dù có đủ điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chị N, anh K không có nguyện vọng tiếp tục chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ; không đăng ký kết hôn nên không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị N khởi kiện nên cần áp dụng Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N với anh K.

Các đương sự khẳng định chưa có con chung, tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, chị N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Chúc N với anh Trịnh Văn K.

2. Về quyền nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh K chưa có con chung; các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Chúc N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0005633 ngày 09/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG